

Bản án số: 281/2017/DS-ST

Ngày: 28/7/2017.

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Văn Nhất

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiên.

2. Ông Võ Văn Tốt.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hà, cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Châu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 2 năm 2017 về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2017/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2017/QĐST-DS ngày 05/7/2017 giữa các đương sự:

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị C**, 1966;

Địa chỉ: A, đường HT13, khu phố 3, phường Hiệp Th, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đinh Văn Toàn**;

Trú tại: A Hiệp Th 16, phường Hiệp Th, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị C**, 1964;

Địa chỉ: F, Nguyễn Thị Th (đường HT), tổ 17, khu phố 6, phường Hiệp Th, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt không có lý do).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà **Lương Thị Thúy H**, 1991;

Địa chỉ: F, Nguyễn Thị Th (đường HT), tổ 17, khu phố 6, phường Hiệp Th, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/12/2016, bản tự khai vào các ngày 17/3/2017; 25/5/2017, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 11/4/2017; 04/5/2017; 25/5/2015; 15/6/2017; nguyên đơn bà Nguyễn Thị C và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đinh Văn T trình bày:

Do có mối quan hệ làm việc cùng công ty, bà Nguyễn Thị C có cho bà Nguyễn Thị C vay 154.000.000 đồng vào ngày 22/7/2012 và thỏa thuận trả lãi 1.500.000 đồng/tháng, tương đương 12%/năm. Việc vay tiền hai bên tự nguyện xác lập bằng văn bản và cùng ký tên, bà Ch cam kết trả đủ tiền gốc vào ngày 31/12/2012. Sau khi vay, bà Ch có trả tiền lãi cho bà Ch được 3 tháng là các tháng 8, 9, 10 năm 2012. Sau đó bà Ch không thanh toán lãi, đến ngày 31/12/2012 bà Ch không trả nợ gốc và nợ tiền lãi cho bà Ch. Từ ngày 31/12/2012 đến nay, bà Ch nhiều lần trực tiếp yêu cầu bà Ch thực hiện nghĩa vụ trả nợ (cả tiền gốc và tiền lãi phát sinh), nhưng bà Ch chỉ hứa mà vẫn không thực hiện việc trả nợ.

Ngày 26/12/2016 và ngày 28/12/2016, bà Nguyễn Thị C gửi thông báo cho bà Nguyễn Thị C, yêu cầu bà Ch phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong hạn 15 ngày, ngày 19/01/2017 đã quá thời hạn của thông báo trả nợ nhưng bà Ch vẫn không thực hiện trả nợ. Vì vậy và Nguyễn Thị C khởi kiện bà Nguyễn Thị C ra tòa án, yêu cầu bà Ch thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và tiền lãi.

Bà Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết là buộc bà Nguyễn Thị C phải hoàn trả cho bà số tiền gốc là 154.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm được tính từ tháng 01/2013 đến ngày khởi kiện là tháng 2/2017 được 4 năm, số tiền lãi được tính như sau: $154.000.000đ \times (50\% \times 20\%/năm) \times 4 \text{ năm} = 61.600.000 \text{ đồng}$, tổng cộng bà Ch phải trả bà Ch là 215.600.000 đồng (hai trăm mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tại các buổi làm việc, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho biết số tiền 154.000.000 đồng là số tiền riêng của Chới. Ngày 04/5/2017, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu đưa con gái của bà Ch là bà Lương Thị Thúy H, 1991; cùng địa chỉ với bà Ch tại F, Nguyễn Thị Th (đường HT), tổ 17, khu phố 6, phường Hiệp Th, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh vào tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và có ý kiến bà Lương Thị Thúy H không phải chịu trách nhiệm về số tiền vay giữa bà Ch và bà Chánh, vì bà Ch chỉ biết cho bà Ch vay.

Ngày 27/7/2017, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin yêu cầu rút phần khởi kiện, bao gồm: Không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay, chỉ yêu cầu bà Ch phải thanh toán một lần tiền nợ gốc là 154.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị Thúy H nhưng bà Ch và bà Hồng vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản đến Tòa để thể hiện ý kiến của mình về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Ch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham

gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án, Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản giữa hai bên theo Giấy vay tiền ký kết ngày 22/7/2012. Đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn hiện đang cư trú tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà Nguyễn Thị C và bà Lương Thị Thúy H vắng mặt không lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Ch và bà Hồng theo quy định tại Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

3/ Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được;

Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 22/7/2012 có đủ cơ sở để xác định:

Bà Nguyễn Thị C có cho bà Nguyễn Thị C vay 154.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 22/7/2012. Việc vay tiền hai bên tự nguyện xác lập bằng văn bản và cùng ký tên, bà Ch cam kết trả đủ tiền vào cuối năm 2012. Sau khi vay không có thỏa thuận về lãi suất vay. Tuy nhiên, thực tế trong quá trình vay bà Ch đã trả cho bà Ch 03 tháng tiền lãi vào các tháng 8, 9, 10 năm 2012.

Ngày 26/12/2016 và ngày 28/12/2017 bà Nguyễn Thị C gửi thông báo cho bà Nguyễn Thị C thông qua vận đơn số EN 7438.68659 VN và văn bản tổng đạt của văn phòng thừa phát lại Lý Thị Như Hòa, yêu cầu bà Ch phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong hạn 15 ngày, ngày 19/01/2017 đã quá thời hạn của thông báo trả nợ nhưng bà Ch vẫn không thực hiện trả nợ. Vì vậy và Nguyễn Thị C khởi kiện bà Nguyễn Thị C ra tòa án, yêu cầu bà Ch thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc tiền gốc là 154.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm được tính từ tháng 01/2013 cho đến ngày khởi kiện là tháng 2/2017 được 4 năm thành tiền 61.600.000 đồng, tổng cộng phải trả là 215.600.000 đồng (hai trăm mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Trong suốt thời gian giải quyết vụ án, Tòa án có triệu tập bị đơn bà Nguyễn Thị C và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị Thúy H nhưng bà Ch và bà Hồng vẫn không lên Tòa để trình bày ý kiến, việc này có thể coi như là bà Ch và bà Hồng đã tự từ bỏ việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Theo quy định tại Điều 91; Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì những lời khai của nguyên đơn Nguyễn Thị C và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đinh Văn T là chứng cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xác minh: theo các xác nhận của Công an phường Hiệp Th ngày 17/3/2017 và ngày 11/5/2017 “đương sự Nguyễn Thị C, Lương Thị Thúy H đăng ký thường trú tại F, Nguyễn Thị Th, tổ 17, khu phố 6, phường Hiệp Th, Quận 12”, Biên bản tổng đạt trực tiếp các ngày 04/5/2017; 15/6/2017 cho bị đơn Nguyễn Thị C.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay tài sản giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Căn cứ vào Giấy vay tiền ký kết ngày 22/7/2012 có chữ ký của cả hai bên thì về hình thức và điều kiện có hiệu lực của hợp đồng được thể hiện đúng theo quy định tại các Điều 122, 124 Bộ luật dân sự 2005 quy định tại thời điểm hai bên xác lập quan hệ vay tài sản như giữa hai bên đã có xác lập hợp đồng vay tài sản bằng văn bản, bà Ch và bà Ch cùng là những người có năng lực hành vi dân sự...

Do bên bị đơn vi phạm hợp đồng không trả tiền theo hợp đồng thỏa thuận cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn là đúng với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay của nguyên đơn là 154.000.000 (một trăm năm mươi bốn triệu) đồng.

Về yêu cầu tính tiền lãi: Do đại diện của Nguyên đơn rút đơn yêu cầu không tính tiền lãi, xét yêu cầu trên là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ về yêu cầu tính lãi.

Từ những phân tích trên,

Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ gốc 154.000.000 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự là 7.700.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 5.390.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí nêu trên ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 48, 49, 147, 217; 227, 228, 235, 264, 266, 267; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 122; 124; 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 119, 217; 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc bà Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền nợ gốc là 154.000.000 (một trăm năm mươi bốn triệu) đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ phần yêu cầu tính lãi đối với số tiền 61.600.000 (sáu mươi một triệu sáu trăm ngàn) đồng.

Việc giao nhận tiền do các bên tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa giao trả hết số tiền nêu trên, thì bị đơn còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự là 7.700.000 (bảy triệu bảy trăm ngàn) đồng.

Trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo đơn khởi kiện là 5.390.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023718 ngày 17/02/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh ngày khi bản án có hiệu lực thi hành.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TANDTPHCM;
- VKS ND Quận 12;
- Chi cục THA DS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Văn Nhất

Quận 12, ngày 28 tháng 7 năm 2017.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ phút ngày 28 tháng 7 năm 2017.

Tại Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Văn Nhất

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiên.

2. Ông Võ Văn Tốt.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 49/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 2 năm 2017 về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị C** , 1966;

Địa chỉ: 461/14 đường HT13, khu phố 3, phường Hiệp Th , Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đinh Văn Toàn**;

Trú tại: 54 Hiệp Th 16, phường Hiệp Th , Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị C** , 1964;

Địa chỉ: F, Nguyễn Thị Th (đường HT), tổ 17, khu phố 6, phường Hiệp Th , Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà **Lương Thị Thúy H** , 1991;

Địa chỉ: F, Nguyễn Thị Th (đường HT), tổ 17, khu phố 6, phường Hiệp Th , Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: biểu quyết 3/3 đồng ý quan hệ tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Quận 12 theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Về thủ tục tố tụng: Biểu quyết 3/3 đồng ý xét xử vắng mặt tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người liên quan trong vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Về điều luật áp dụng: Biểu quyết 3/3 đồng ý áp dụng các quy định sau để quyết định giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 48, 49, 147, 217; 227, 228, 235, 264, 266, 267; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 122; 124; 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 119, 217; 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

*Về nội dung quyết định: biểu quyết 3/3 đồng ý:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc bà Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền nợ gốc là 154.000.000 (một trăm năm mươi bốn triệu) đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ phần yêu cầu tính lãi đối với số tiền 61.600.000 (sáu mươi một triệu sáu trăm ngàn) đồng.

Việc giao nhận tiền do các bên tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa giao trả hết số tiền nêu trên, thì bị đơn còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự là 7.700.000 (bảy triệu bảy trăm ngàn) đồng.

Trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo đơn khởi kiện là 5.390.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023718 ngày 17/02/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút ngày 28 tháng 7 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa